



CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ
AN PHU IRRADIATION JOINT - STOCK COMPANY

Địa chỉ: Ấp 1B, xã An Phú, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương
Hamlet 1B, An Phu Commune, Thuan An District, Binh Duong Province

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
QUÝ II NĂM 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29,467,856,903	50,651,557,405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2,873,659,120	2,321,696,511
1. Tiền	111		2,873,659,120	1,826,696,511
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	495,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26,203,385,417	45,247,776,682
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	23,533,821,305	18,415,899,476
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	728,761,697	23,881,653,194
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	425,347,681
4. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	1,940,802,415	2,524,876,331
IV. Hàng tồn kho	140		206,663,963	915,231,278
1. Hàng tồn kho	141	VI.5	206,663,963	915,231,278
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		184,148,403	2,166,852,934
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.6	31,421,727	85,422,159
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	537,928,932
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	1,444,806
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.7	152,726,676	1,542,057,037
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		232,296,488,749	221,873,259,316
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		162,961,150,341	163,271,972,590
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	130,030,020,469	130,361,655,373
<i>Nguyên giá</i>	222		175,854,336,038	169,374,948,030
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45,824,315,569)	(39,013,292,657)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.9	32,931,129,872	32,667,372,617
<i>Nguyên giá</i>	228		35,199,043,452	34,417,854,326
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,267,913,580)	(1,750,481,709)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.10	-	242,944,600
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,148,492,706	2,304,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.11	3,148,492,706	2,304,000,000
V. Tài sản dài hạn khác	260		66,186,845,702	56,297,286,726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12	65,885,123,194	55,997,499,353
2. Tài sản dài hạn khác	268		301,722,508	299,787,373
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		261,764,345,652	272,524,816,721

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

6 tháng đầu năm 2012	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		114,156,940,105	119,557,972,302
I. Nợ ngắn hạn	310		46,159,841,299	51,551,318,496
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.13	23,264,786,577	25,549,282,711
2. Phải trả người bán	312	VI.14	2,424,713,517	1,745,910,303
3. Người mua trả tiền trước	313		23,984,351	25,093,025
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	5,996,540,640	2,465,959,048
5. Phải trả người lao động	315	VI.16	931,155,886	2,994,461,535
6. Chi phí phải trả	316	VI.17	5,203,087,421	15,712,754,381
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.18	7,479,124,532	954,613,936
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.19	836,448,375	2,103,243,557
II. Nợ dài hạn	330		67,997,098,806	68,006,653,806
1. Vay và nợ dài hạn	334	VI.20	67,969,361,110	67,969,361,110
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	VI.21	27,737,696	37,292,696
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		147,607,405,547	152,966,844,419
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	147,607,405,547	152,966,844,419
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		114,480,000,000	114,480,000,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(74,000,000)	(74,000,000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,546,952,146	5,546,952,146
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,722,282,579	3,722,282,579
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		413,224	413,224
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		23,931,757,598	29,291,196,470
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		261,764,345,652	272,524,816,721

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		3,711.44	54,233.93



Bình Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Trương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 Năm 2012

6 tháng đầu năm 2012		Mã số	Thuyết minh	Quý 2-2012	Quý 2-2011	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		20,817,859,003	33,185,317,530	43,314,127,233	63,633,745,472
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	20,817,859,003	33,185,317,530	43,314,127,233	63,633,745,472
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.2	11,236,930,626	17,747,783,192	22,868,221,544	32,751,380,705
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9,580,928,377	15,437,534,338	20,445,905,689	30,882,364,767
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	22,585,103	520,921,965	64,578,892	3,777,704,321
7	Chi phí tài chính	22	VII.4	2,651,698,271	296,494,687	5,889,450,319	324,744,487
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		2,646,860,271	227,532,584	5,823,462,656	227,532,584
8	Chi phí bán hàng	24		900,475,781	4,930,171,220	1,943,246,724	10,636,574,642
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,689,937,462	1,426,993,686	3,423,063,449	2,722,301,312
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4,361,401,966	9,304,796,710	9,254,724,089	20,976,448,647
11	Thu nhập khác	31		10,206	1,500,000	9,503,048	6,000,000
12	Chi phí khác	32		39,925,357	86,458,327	82,058,372	86,458,327
13	Lợi nhuận khác	40		(39,915,151)	(84,958,327)	(72,555,324)	(80,458,327)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,321,486,815	9,219,838,383	9,182,168,765	20,895,990,320
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.15	864,297,363	942,904,181	1,836,433,753	2,595,474,258
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,457,189,452	8,276,934,202	7,345,735,012	18,300,516,062

Bình Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2012



Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9,182,168,765	20,895,990,320
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		7,328,454,783	3,646,599,182
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(64,578,892)	(388,709,725)
- Chi phí lãi vay	06		5,823,462,656	227,532,584
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		22,269,507,312	24,381,412,361
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20,971,160,229	(6,704,740,507)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		708,567,315	(102,632,790)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(14,462,717,316)	(1,835,276,979)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9,833,623,409)	2,005,160,860
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5,823,462,656)	(227,532,584)
- Thuế thu nhập đã nộp	14		-	(1,962,864,568)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,261,573,884)	(219,788,462)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		12,567,857,591	15,333,737,331
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7,017,632,534)	(63,492,259,034)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	(865,000,000)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64,578,892	388,709,725
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(6,953,053,642)	(63,968,549,309)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(844,492,706)	(15,000,000)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		16,999,249,978	67,498,140,272
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(16,235,194,112)	(1,356,225,000)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,982,404,500)	(18,850,518,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(5,062,841,340)	47,276,397,272
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		551,962,609	(1,358,414,706)
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60		2,321,696,511	5,340,300,589
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	VI.1	2,873,659,120	3,981,885,883



Bình Dương, ngày 19 tháng 07 năm 2012

Vương Đình Khoát - Tổng Giám đốc

Nguyễn Đức Đoàn - Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 2 năm 2012 riêng của Công ty Cổ Phần Chiếu xạ An Phú (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Chiếu xạ khử trùng các loại thủy hải sản, các loại dụng cụ y tế;
 - Dịch vụ bảo quản rau quả đông lạnh;
 - Dịch vụ bảo quản các loại thực phẩm;
 - Chiếu xạ bảo quản các loại sản phẩm công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác;
 - Mua bán thủy hải sản, các sản phẩm từ thịt, hàng nông sản các loại;
 - Đầu tư tài chính về cổ phiếu, cổ phần./.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 10 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo: Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 31/03/2012: 20.828 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc công các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản đó.

Tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát sinh công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thoả mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào doanh thu hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25
Máy móc thiết bị	06-10
Phương tiện vận tải	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20-50

Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi phí mua nguồn xạ dự trữ để xử lý chiếu xạ được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ theo khối lượng tiêu hao thực tế.

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay đầu tư xây dựng Nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh được ngưng vốn hóa từ tháng 10 năm 2011, khi Nhà máy bắt đầu hoạt động kinh doanh bình thường.

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo Hóa đơn, chứng từ.

Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán bổ sung vào chi phí.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Nguồn vốn kinh doanh – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hội tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hội tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và các quy chế của Công ty.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Hiện tại, Công ty đang được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN như sau:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong 10 năm kể từ năm 2005 theo công văn số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 5 năm tiếp theo theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2564/CT-TT&HT ngày 20/04/2006 của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Năm 2012 là năm thứ 1 Công ty bắt đầu chịu áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
(a) Tiền mặt	508,130,753	445,147,557
Tiền mặt VND	508,130,753	445,147,557
Tiền mặt USD	-	-
(b) Tiền gửi ngân hàng	2,365,528,367	1,381,548,954
- Tiền VND	2,289,468,291	1,148,190,036
- Tiền USD quy đổi	76,060,076	233,358,918
(c) Khoản tương đương tiền	-	495,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần		
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	<u>2,873,659,120</u>	<u>2,321,696,511</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Khách hàng Việt Nam	21,110,144,480	16,191,564,334
Khách hàng Nước ngoài	2,423,676,825	2,224,335,142
Cộng	<u>23,533,821,305</u>	<u>18,415,899,476</u>

3. Trả trước người bán

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Công ty CP XD Cao Su đồng Nai		679,816,717
- Công ty CP TV TM DV Địa ốc Hoàng Quân Mêkông	46,739,738	-
- Công ty CP Sài Gòn Trung Tín	82,605,600	-
- Hungaroster co., Ltd		16,078,733,415
- Cty TNHH TM DV Kỹ Thuật Mặt Trời		1,013,991,500
- Công ty TNHH TM DV PCCC Thái Bình Thịnh		530,551,478
- Cty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc		292,122,705
- Công ty TNHH TM & SX Tân Phương Phát		1,066,870,786
- Cty TNHH XD Nhà thép Liên Việt		1,642,050,000
- Công ty TNHH Việt Phúc Hưng		100,000,000
- Công ty TNHH TVXD Trần Nguyễn		1,007,300,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Công ty CP Tư vấn Xây dựng Kiên Giang		274,954,000
- Các đối tượng khác	599,416,359	1,195,262,593
Cộng	728,761,697	23,881,653,194
4. Phải thu khác		
	30/06/2012	01/01/2012
An Phú Bình Minh	-	169,145,025
Công Đoàn Công ty API	217,760,000	217,760,000
Đối tượng khác chưa chi tiết	-	28,557,297
Bộ nông nghiệp Hoa Kỳ	1,723,042,415	2,103,446,172
Nguyễn Thị Hồng Thúy		2,222,131
Bảo hiểm xã hội Bình Dương	-	3,204,270
Đối tượng khác		541,436
Cộng	1,940,802,415	2,524,876,331
5. Hàng tồn kho		
	30/06/2012	01/01/2012
Nguyên vật liệu chính	-	47,342,500
Nguyên vật liệu phụ	12,387,551	64,659,091
Phụ tùng thay thế	43,254,000	43,254,000
Công cụ, dụng cụ	98,258,467	300,074,307
Bao bì luân chuyển	52,763,945	449,149,583
Chi phí SXKD dở dang - Thanh Long		5,594,923
Chi phí SXKD dở dang - Xoài		5,156,874
Cộng	206,663,963	915,231,278
6. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	30/06/2012	01/01/2012
Công cụ, dụng cụ	3,649,644	28,598,201
Cước internet	-	8,000,000
Bảo hiểm tài sản	27,772,083	48,823,958
Cộng	31,421,727	85,422,159
7. Tài sản ngắn hạn khác		
	30/06/2012	01/01/2012
Tạm ứng	152,726,676	684,052,797
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Kiểm kê vật tư thiếu chờ xử lý		
Ký quỹ ngắn hạn	-	858,004,240
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	858,004,240
Cộng	152,726,676	1,542,057,037

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

8. Tài sản cố định hữu hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, Dụng cụ quản lý</i>	<i>Cộng TSCĐ hữu hình</i>
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	80,904,672,973	76,857,988,156	10,656,328,995	955,957,906	169,374,948,030
2. Tăng trong năm	3,741,737,659	449,587,387	2,203,575,524	84,487,438	6,479,388,008
<i>Mua sắm mới</i>				42,318,181	42,318,181
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	3,741,737,659	449,587,387	2,203,575,524	42,169,257	6,437,069,827
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	84,646,410,632	77,307,575,543	12,859,904,519	1,040,445,344	175,854,336,038
II. Hao mòn lũy kế					
1. Số đầu năm	13,561,442,591	23,521,622,590	1,558,994,090	371,233,386	39,013,292,657
2. Tăng trong năm	2,416,401,795	3,602,302,671	731,404,497	60,913,949	6,811,022,912
<i>Khấu hao trong năm</i>	2,416,401,795	3,602,302,671	731,404,497	60,913,949	6,811,022,912
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-
4. Số cuối năm	15,977,844,386	27,123,925,261	2,290,398,587	432,147,335	45,824,315,569
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu năm	67,343,230,382	53,336,365,566	9,097,334,905	584,724,520	130,361,655,373
2. Số cuối năm	68,668,566,246	50,183,650,282	10,569,505,932	608,298,009	130,030,020,469

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã thế chấp đảm bảo nợ vay 173.915.812.439 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm quản lý kho lạnh</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Cộng tài sản vô hình</i>
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	156,818,182	34,261,036,144	34,417,854,326
2. Tăng trong năm	3,735,696	777,453,430	781,189,126
<i>Mua sắm mới</i>			-
<i>Xây dựng cơ bản</i>	3,735,696	777,453,430	781,189,126

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	160,553,878	35,038,489,574	35,199,043,452
II. Hao mòn lũy kế			
1. Số đầu năm	37,722,745	1,712,758,964	1,750,481,709
2. Tăng trong năm	18,170,014	499,261,857	517,431,871
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>18,170,014</i>	<i>499,261,857</i>	<i>517,431,871</i>
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	55,892,759	2,212,020,821	2,267,913,580
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu năm	119,095,437	32,548,277,180	32,667,372,617
2. Số cuối năm	104,661,119	32,826,468,753	32,931,129,872

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã thế chấp đảm bảo nợ vay 35.038.489.571 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản

Gồm các hạng mục sửa chữa, cải tạo nhà máy tại Bình Dương:

Số đầu năm:	242.944.600 VND
Đầu tư thêm trong kỳ:	1.089.224.884 VND
Kết chuyển Tài sản cố định trong kỳ (*):	606.954.237 VND
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn:	725.215.247 VND
Số cuối năm:	0 VND

(*) Chi tiết TSCĐ tăng trong năm:

1. Nhà cửa, vật kiến trúc	540.954.237 VND
2. Máy móc thiết bị	66.000.000 VND
Cộng	606.954.237 VND

11. Đầu tư vào Công ty con

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Công ty An Phú Bình Minh	3,148,492,706	2,304,000,000
Cộng	3,148,492,706	2,304,000,000
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>

12. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Nguồn xạ	61,096,121,901	52,470,503,170
Chi phí chương trình chiếu xạ trái cây	966,950,630	1,289,267,504
Chi phí bảo hiểm nhà máy	86,456,333	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi phí sửa chữa xe Grown	92,902,085	117,108,346
Chi phí sửa chữa nhà ăn, nhà vệ sinh		13,283,643
Chi phí sửa chữa cửa kho lạnh	8,333,323	13,333,324
Tiền thuê đất	13,334,599	14,546,833
Palet cho kho lạnh	22,666,653	40,541,655
Chi phí cải tạo văn phòng làm việc	304,295,833	0
Chi phí lắp panel APBM	864,331,756	0
Chi phí trước hoạt động dự Án APBM	1,391,149,819	1,700,294,227
Các chi phí khác	1,038,580,262	338,620,651
Cộng	65,885,123,194	55,997,499,353

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Thanh toán trong năm	Chênh lệch tỷ giá lãi cuối kỳ	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	11,969,752,813	16,999,249,978	16,235,194,112	(80,300,000)	12,814,108,679
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	1,555,752,813	2,875,399,187	838,000,000		3,593,152,000
Vay Ngân hàng HSBC (VND)	-	2,217,361,230			2,217,361,230
Vay NH SHN (VND)	-	11,906,489,561	4,902,894,112		7,003,595,449
Vay NH SHN (USD)	10,414,000,000		10,494,300,000	(80,300,000)	-
				-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	13,579,529,898	-	3,128,852,000	-	10,450,677,898
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	5,300,000,000		1,900,000,000	-	3,400,000,000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	8,279,529,898		1,228,852,000	-	7,050,677,898
Cộng	25,549,282,711	16,999,249,978	19,364,046,112	- 80,300,000	23,264,786,577

Các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động, cho hoạt động kinh doanh.

14. Phải trả người bán

	30/06/2012	01/01/2012
Công ty CP XD Cao Su đồng Nai	1,007,781,283	-
Cty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc	460,508,584	-
Hungaroster co., Ltd	0	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Điện lực Bình Dương	132,126,170	-
Công ty Hà Kim	46,770,000	-
ECKERT - ZIEGLER NUCLITEC	64,045,800	64,045,800
Công ty CP Tân Tấn Lộc		133,170,400
Công ty TNHH Phan Hoàng Phát	68,200,000	119,920,000
Huỳnh Thị Thu Thủy	46,770,000	-
Công ty TNHH NVN	36,715,008	36,715,008
Công ty Trần Nguyễn	133,884,229	-
Công ty TNHH TM DV KT P.S.L	32,708,280	32,858,232
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Điện Toàn Thịnh Phát	28,220,249	328,220,249
DNTN xăng dầu Lai Uyên Hai		33,200,000
Các đối tượng khác	366,983,914	997,780,614
Cộng	2,424,713,517	1,745,910,303

15. Các khoản phải nộp nhà nước

STT	Chi tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
I	Thuế	2,454,316,251	4,799,237,884	1,267,211,486	5,986,342,649
1	Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	502,092,724		502,092,724
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1,444,806	1,265,656,292	1,264,211,486	-
3	Thuế xuất nhập khẩu	-			-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,114,459,945	2,882,007,637		4,996,467,582
5	Các loại thuế khác	341,301,112	149,481,231	3,000,000	487,782,343
	- Thuế Thu nhập cá nhân	341,301,112	146,481,231		487,782,343
	- Thuế môn bài	-	3,000,000	3,000,000	-
II	Các khoản phải nộp khác	10,197,991	-	-	10,197,991
	Các khoản phí, lệ phí	10,197,991			10,197,991
	Tổng cộng	2,464,514,242	4,799,237,884	1,267,211,486	5,996,540,640

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành
- Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ
- Thuế suất áp dụng:
 - + Doanh thu hàng xuất khẩu : 0 %
 - + Doanh thu dịch vụ xử lý hàng nông, lâm thủy hải sản chưa qua sơ chế : 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

+ *Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác* : 10%

• **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số (V.14)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế 6 tháng 2012
- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.182.168.765
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	9.182.168.765
<i>Trong đó: + Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (20%)</i>	9.182.168.765
<i>+ Thu nhập từ thu nhập khác lỗ nên bù trừ vào hoạt động chính</i>	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp Theo thuế suất ưu đãi	1.836.433.753
- Thuế thu nhập năm 2011 không được giảm 30% phải nộp lại ngân sách nhà nước	1.045.573.884
-	
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.882.007.637

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm soát của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Phải trả người lao động

931.155.886

Quỹ lương tháng 6/2012 của CB-CBV, BKS.

17. Chi phí phải trả

	30/06/2012	01/01/2012
- Trích trước chi phí đầu tư xây dựng nhà máy chiếu xạ An Phú Bình Minh theo Hợp đồng với nhà thầu	5.185.897.421	15.695.564.381
- Chi phí khác	17.190.000	17.190.000
Cộng	5.203.087.421	15.712.754.381

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

18. Phải trả, phải nộp khác

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Kinh phí công đoàn	130,505,444	125,674,688
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	466,729,872	443,797,220
Chia cổ tức năm 2009	56,395,625	41,490,000
Chia cổ tức năm 2010	104,000	(9,641,000)
Chia cổ tức năm 2011	6,461,195,500	
Thù lao HDQT	164,194,091	164,194,091
Trần Văn Ngoan	50,000,000	50,000,000
Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh - Cty con	-	24,753,406
Công ty CP Chế Biến Thủy Hải Sản Sơn Sơn	-	91,830,435
Ngô Văn Lý	150,000,000	
Các đối tượng khác		22,515,096
Cộng	<u><u>7,479,124,532</u></u>	<u><u>954,613,936</u></u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1,515,552,300		966,932,000	548,620,300
Quỹ phúc lợi	587,691,257		299,863,182	287,828,075
Quỹ thưởng ban điều hành quản lý	413,224			413,224
Cộng	<u><u>2,103,656,781</u></u>	<u><u>0</u></u>	<u><u>1,266,795,182</u></u>	<u><u>836,861,599</u></u>

20. Vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Vay thêm trong năm	Thanh toán trong năm	Nợ dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay Ngân hàng Navibank (VND)	28,699,900,000		-	-	28,699,900,000
Vay Ngân hàng Navibank (USD)	39,269,461,110		-	-	39,269,461,110
Cộng	<u><u>67,969,361,110</u></u>		<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>67,969,361,110</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các khoản vay dài hạn chi tiết như sau:

- *Hợp đồng vay* : *Số 007/10/HDTD/101-54 ngày 12 tháng 10 năm 2010*
 - + Hạn mức vay : 40.000.000.000 VND
 - + Lãi vay : 15%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 25/22/1011, mỗi kỳ trả 4.000.000.000 tỷ, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Thanh toán tiền thuê đất tại KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
 - + Tài sản đảm bảo : Quyền sử dụng đất lô 1C-2C KCN Bình Minh tỉnh Vĩnh Long.
- *Hợp đồng vay* : *Số HD 027/10/HDTD/101-54 ngày 04 tháng 07 năm 2011*
 - + Hạn mức vay : 1.282.000 USD
 - + Lãi vay : 6.5%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 04/07/2012, mỗi kỳ trả 128.200 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Thanh toán tiền nhập khẩu máy chiếu xạ.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HD 004/11/HDTD/101-54 ngày 07 tháng 01 năm 2011*
 - + Hạn mức vay : 410.260 USD
 - + Lãi vay : 6.5%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Ngày trả nợ gốc đầu tiên: 07/07/2011, mỗi kỳ trả 41.025,6 USD, 6 tháng/ 1 kỳ
 - + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- *Hợp đồng vay* : *Số HD 036/11/HDTD/101-54 ngày 22 tháng 04 năm 2011*
 - + Số tiền vay : 463.080,00 USD
 - + Lãi vay : 6.5%/năm
 - + Thời hạn vay : 72 tháng
 - + Mục đích vay : Mua sắm Máy móc thiết bị.
 - + Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

- Số dư đầu năm		37.292.696
- Số trích lập trong kỳ		-
- Số chi trong kỳ		9.555.000
Số cuối kỳ		<u><u>27.737.696</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

22. Nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	114,480,000,000	(59,000,000)	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	22,916,611,850	146,607,259,799
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	32,412,790,405	32,412,790,405
Tăng khác	-	(15,000,000)	-	-	-	-	-	(15,000,000)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(2,593,023,232)	(2,593,023,232)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(22,881,200,000)	(22,881,200,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(563,982,553)	(563,982,553)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	114,480,000,000	- 74,000,000	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	29,291,196,470	152,966,844,419
Năm nay								
Số dư đầu năm nay	114,480,000,000	(74,000,000)	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	29,291,196,470	152,966,844,419
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	7,345,735,012	7,345,735,012
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(11,443,600,000)	(11,443,600,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	(216,000,000)	(216,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1,045,573,884)	(1,045,573,884)
Tổng cộng	114,480,000,000	- 74,000,000	-	5,546,952,146	3,722,282,579	413,224	23,931,757,598	147,607,405,547

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Vốn đầu tư của Công ty Nhà Nước	14.837.820.000	14.837.820.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	99.642.180.000	99.642.180.000
Cộng	<u>114.480.000.000</u>	<u>114.480.000.000</u>

(*) Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2011 là 7.400 CP

Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận:

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	114.480.000.000	114.480.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	114.480.000.000	114.480.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.443.600.000	22.881.200.000

Cổ phiếu

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.448.000	11.448.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.448.000	11.448.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.448.000</i>	<i>11.448.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	7.400	7.400
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>7.400</i>	<i>7.400</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.440.600	11.440.600
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.440.600</i>	<i>11.440.600</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý 2 năm 2012	Quý 2 năm 2011	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2012	Năm 2011
25 - Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)				
Trong đó:				
- Doanh thu dịch vụ chiếu xạ	15,590,434,187	15,894,092,563	27,065,737,497	27,018,329,358
- Doanh thu dịch vụ cho thuê kho lạnh	340,867,881	439,736,392	1,045,764,075	1,050,749,195
- Doanh thu dịch vụ bốc xếp	467,429,755	489,752,092	786,949,711	848,011,935
- Doanh thu cho thuê tài sản và doanh thu khác	4,400,000,000	-	10,400,437,500	-
- Doanh thu bán lại vật tư hàng hóa	19,127,180	-	230,407,520	-
- Doanh thu bán thanh long		16,361,736,483	3,784,830,930	34,716,654,984
<i>Trong đó: Xuất khẩu trực tiếp (*)</i>		16,361,736,483	532,749,690	34,716,654,984
<i>Bán cho An Phú Bình Minh để xuất khẩu</i>			3,252,081,240	-
Tổng cộng	20,817,859,003	33,185,317,530	43,314,127,233	63,633,745,472
27 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)				
Trong đó:				
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá	19,127,180	16,361,736,483	4,015,238,450	34,716,654,984
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	20,798,731,823	16,823,581,047	39,298,888,783	28,917,090,488
Tổng cộng	20,817,859,003	33,185,317,530	43,314,127,233	63,633,745,472

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

28 - Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1,260,246,961	12,261,551,677	4,057,728,917	22,112,501,232
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	9,976,683,665	5,486,231,515	18,810,492,627	10,638,879,473
Tổng cộng	11,236,930,626	17,747,783,192	22,868,221,544	32,751,380,705

29 - Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22,585,103	315,154,551	64,578,892	388,709,725
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		205,767,414	-	3,388,994,596
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện			-	-
- Lãi bán hàng trả chậm			-	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác			-	-
Tổng cộng	22,585,103	520,921,965	64,578,892	3,777,704,321

30 - Chi phí tài chính (Mã số 22)

- Lãi tiền vay	2,646,860,271	227,532,584	5,823,462,656	227,532,584
- Lỗ do bán ngoại tệ	4,838,000	68,962,103	40,494,255	68,962,103
- Chi phí tài chính khác			25,493,408	28,249,800
Tổng cộng	2,651,698,271	296,494,687	5,889,450,319	324,744,487

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

33. Công cụ tài chính:

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của công ty gồm có phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông công ty mẹ (bao gồm phần vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty đang áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số V.

Các loại công cụ tài chính

- Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách	
	30/06/2012	01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,873,659,120	2,321,696,511
Phải thu khách hàng	23,533,821,305	18,415,899,476
Các khoản phải thu khác	1,940,802,415	2,524,876,331
Cộng	28,348,282,840	23,262,472,318
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	2,424,713,517	1,745,910,303
Vay và nợ	91,234,147,687	93,518,643,821
Chi phí phải trả	5,203,087,421	15,712,754,381
Các khoản phải trả khác	7,479,124,532	954,613,936
Cộng	106,341,073,157	111,931,922,441

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ tài chính do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và các công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương về việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

- Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho Ngân hàng

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số VI.8 và VI.9). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối kỳ		
Quyền SD đất và tài sản gắn liền trên đất, MMTB nhà máy An Phú Bình Dương	83.309.402.243	
Quyền SD đất và tài sản gắn liền trên đất, MMTB nhà máy An Phú Bình Minh	124.851.241.608	
Cộng	<u>208.954.302.010</u>	
Số đầu năm		
Quyền SD đất và tài sản gắn liền trên đất, MMTB nhà máy An Phú Bình Dương	83.309.402.243	
Quyền SD đất và tài sản gắn liền trên đất, MMTB nhà máy An Phú Bình Minh	117.636.718.351	
Cộng	<u>200.946.120.594</u>	

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh do không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc thu trước tiền cung cấp dịch vụ, hàng hóa đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty không có các khoản cho vay nên không chịu rủi ro tín dụng về các khoản này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIỀU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

30/06/2012	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Công nợ tài chính			
Phải trả cho người bán	2,424,713,517		2,424,713,517
Vay và nợ	23,264,786,577	67,969,361,110	91,234,147,687
Chi phí phải trả	5,203,087,421		5,203,087,421
Các khoản phải trả khác	7,479,124,532		7,479,124,532
Cộng	38,371,712,047	67,969,361,110	106,341,073,157

01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Công nợ tài chính			
Phải trả cho người bán	1,745,910,303		1,745,910,303
Vay và nợ	25,549,282,711	67,969,361,110	93,518,643,821
Chi phí phải trả	15,712,754,381		15,712,754,381
Các khoản phải trả khác	954,613,936		954,613,936
Cộng	43,962,561,331	67,969,361,110	111,931,922,441

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2012	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,873,659,120		2,873,659,120
Phải thu khách hàng	23,533,821,305		23,533,821,305
Các khoản phải thu khác	1,940,802,415		1,940,802,415
Cộng	28,348,282,840	-	28,348,282,840

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

01/01/2012	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,321,696,511		2,321,696,511
Phải thu khách hàng	18,415,899,476		18,415,899,476
Các khoản phải thu khác	2,524,876,331		2,524,876,331
Cộng	23,262,472,318	-	23,262,472,318

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin bổ sung

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Đất Việt. Một số chỉ tiêu số đầu năm 2012 đã được phân loại lại cho phù hợp. Số liệu đầu năm 2012 của chỉ tiêu tiền và tương đương tiền đã được trình bày lại cho phù hợp.

2. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV An Phú Bình Minh	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Lũy kế 6 tháng 2012	Lũy kế Kỳ trước
Cộng ty TNHH MTV An Phú Bình Minh		
Doanh thu cung cấp DV cho thuê TS	10.400.000.000	-
Giá vốn cung cấp DV cho thuê TS	5.853.867.729	-
Doanh thu cung cấp hàng hóa thanh long	3.252.081.240	-
Giá vốn cung cấp hàng hóa thanh long	2.627.041.436	-
Cấp vốn hoạt động	844.492.706	-
Chi hệ các khoản chi phí	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU XẠ AN PHÚ

Khu phố 1B, phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	30/06/2012	01/01/2012
Cộng ty TNHH MTV An Phú Bình Minh		
Nợ phải thu	8.620.597.159	6.038.696.320
Phải thu cung cấp DV	8.620.597.159	6.038.696.320
Các khoản phải thu khác	-	-

3. Báo cáo bộ phận

Công ty CP Chiếu xạ An Phú chỉ hoạt động tại một địa điểm kinh doanh ở Bình Dương và chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếu xạ, bảo quản kho lạnh nên không lập báo cáo bộ phận ở Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ.

4. Tăng giảm lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước

Chỉ tiêu	Quý 2-2012	Quý 2-2011	Tăng (+)/Giảm (-)	Tỷ lệ
Lợi nhuận sau thuế	3.457.189.452	8.276.934.202	(4.819.744.750)	-58%

Nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 2-2012 giảm 58% so với cùng kỳ 2011:

- Doanh thu:

- + Giảm 37% so với quý 2/2011, do trong quý 2/2012 Công ty không tiếp tục thực hiện xuất khẩu Thanh Long vì gặp khó khăn từ rào cản kỹ thuật phía Hoa Kỳ.
- + Doanh thu dịch vụ chiếu xạ và lưu kho lạnh cũng sụt giảm do khó khăn từ sản xuất kinh doanh và xuất khẩu của các Công ty thủy sản.

- Chi phí:

- + Chi phí giá điện tăng cao do việc thay đổi giá tính điện của Điện lực.
- + Chi phí nguồn xạ Cobalt-60 ngày càng tăng cao.
- + Chi phí lãi vay phát sinh tăng.
- + Thuế suất thuế TNDN thay đổi từ 10% lên 20% kể từ năm 2012.

Bình Dương, ngày 19 tháng 7 năm 2012



Vương Đình Khoát
Tổng Giám đốc

Nguyễn Đắc Đoàn
Kế toán trưởng